

Chúng tôi xin giới thiệu hướng dẫn giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 2: Relationships được biên soạn bởi đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm chia sẻ với nội dung dịch rõ ràng và chính xác. Hỗ trợ các em tiếp thu bài mới và trau dồi vốn từ vựng hiệu quả.

Unit 2: Pronunciation (trang 12)

1. (trang 12 SBT Tiếng Anh 11 mới) Underline the words that could be contracted in the short exchanges. Then rewrite these exchanges using the contracted forms. (Gạch dưới các từ có thể được rút gọn trong các cuộc trao đổi ngắn. Sau đó, viết lại các cuộc trao đổi này bằng cách sử dụng dạng rút gọn.)

Đáp án:

	Full forms	Contracted forms
2	A: <u>What is</u> your new teacher like? B: <u>She is</u> very caring and sympathetic.	A: What's your new teacher like? B: She's very caring and sympathetic.
3	A: I <u>do not</u> drink coffee. I would like a cup of tea, please. B: Here you are.	A: I don't drink coffee. I'd like a cup of tea, please. B: Here you are.
4	A: <u>There is not</u> enough food for the guests. B: Yes, there is! <u>There are</u> lots of sandwiches and cakes in the fridge.	A: There isn't enough food for the guests. / There's not enough food for the guests. B: Yes, there is! There're lots of sandwiches and cakes in the fridge.
5	A: <u>They are not</u> interested in playing sports. B: I am sure they are.	A: They aren't interested in playing sports. / They're not interested in playing sports. B: I'm sure they are.
6	A: Is that your puppy? It <u>is</u> very cute. B: Yes. <u>My dad has</u> just bought it for my birthday.	A: Is that your puppy? It's very cute. B: Yes. My dad's just bought it for my birthday.
7	A: <u>What is</u> Tom doing? B: <u>He is</u> practising singing. He <u>will</u> take part in a singing contest.	A: What's Tom doing? B: He's practising singing. He'll take part in a singing contest.

1. A: Mua sắm ở đâu? Bạn vẫn chưa đi mua phải không? **Hướng dẫn dịch:**

B: Có, tôi đã mua tất cả các thứ cần thiết cho cả tuần. Nó ở trong bếp.

2. A: Giáo viên mới của bạn trông như thế nào?

B: Cô ấy rất quan tâm và đầy thiện cảm.

3. A: Tôi không uống cà phê. Tôi muốn một tách trà.

B: Của bạn đây rồi.

4. A: Không có đủ thức ăn cho các vị khách.

B: Có mà! Có rất nhiều bánh mì và bánh ngọt trong tủ lạnh.

5. A: Họ không thích chơi thể thao.

B: Tôi chắc chắn họ có thích.

6. A: Đó là con chó con của bạn phải không? Nó rất dễ thương.

B: Vâng. Bố tôi vừa mua nó tặng tôi nhân dịp sinh nhật của tôi.

7. A: Tom đang làm gì?

B: Anh ấy đang tập hát. Anh ấy sẽ tham gia một cuộc thi hát.

2. (trang 13 SBT Tiếng Anh 11 mới) Practise the exchanges with a partner. Use the contracted forms. (Thực hành các cuộc trao đổi ngắn với một người bạn. Sử dụng dạng rút gọn.)

Unit 2: Vocabulary & Grammar (trang 13)

1. (trang 13 SBT Tiếng Anh 11 mới) Do the following crossword puzzle. (Chơi trò chơi ô chữ sau.)

Đáp án:

Hàng ngang:

1. BREAK-UP

2. SYMPATHETIC

3. RECONCILE

4. CLOSE

5. ROMANTIC

6. COUNSELLOR

7. DATING

8. DEPRESSED<

9. FRIENDSHIP

Hàng dọc:

RELATIONSHIPS

2. (trang 14 SBT Tiếng Anh 11 mới) Complete the sentences with the correct form of the words from the crossword puzzle. (Hoàn thành các câu với dạng đúng của các từ có trong trò chơi ô chữ.)

Đáp án:

1. break-up; counsellor

2. dating; romantic

3. close; reconcile

4. friendship; sympathetic

5. depressed

Hướng dẫn dịch:

1. Khi Laura đổi mặt chia tay trong mối quan hệ của cô ấy, cô đã gặp một cố vấn để được tư vấn.

2. Bạn bè của tôi đã khuyên tôi nên liên hệ với một cơ quan sắp xếp các cuộc họp giữa những người độc thân muốn bắt đầu một mối quan hệ lãng mạn.

3. Tôi đã có một cuộc tranh luận với một trong những người bạn thân của tôi, nhưng tôi đã cố gắng để hòa giải với cô ấy.

4. Để duy trì tình bạn suốt đời, bạn nên thông cảm và quan tâm đến cảm xúc của bạn bè.

5. Khi bạn suy sụp, hãy tìm việc gì đó để làm. Nó sẽ giúp bạn quên đi vấn đề của mình.

3. (trang 14 SBT Tiếng Anh 11 mới) Complete the sentences with the verbs in the box. Use each verb once only. Make changes to their form, if necessary. (Hoàn thành các câu với các động từ trong khung. Sử dụng mỗi động từ chỉ một lần. Thay đổi dạng của các từ, nếu cần.)

Đáp án:

1. looks 2. sounded / sounds 3. gets

4. feels 5. smells 6. tastes

Hướng dẫn dịch:

1. Bạn trai của Anna có vẻ thân thiện. Cô ấy đã gặp anh ấy ở đâu?
 2. Tôi không nghĩ đó là bạn. Giọng nói của bạn nghe thật lạ trên điện thoại.
 3. Khi Tuấn lớn đi, anh ấy sẽ đủ trưởng thành để đưa ra những quyết định đúng đắn.
 4. Chiếc áo khoác này cảm thấy rất chặt. Bạn có kích cỡ lớn hơn không?
 5. Nước hoa này có mùi tuyệt vời. Tôi sẽ mua nó cho sinh nhật của mẹ tôi.
 6. Món cà ri này rất ngon. Có phải là món của người Thái hay Ấn Độ không?
4. (trang 14 SBT Tiếng Anh 11 mới) Rewrite these sentences, using the cleft structure (It is/was ... that) to emphasise the underlined words or phrases. (Viết lại những câu sau, sử dụng cấu trúc câu chẻ (It is/was ... that) để nhấn mạnh các từ hoặc cụm từ được gạch chân.)

Đáp án:

1. It's Tom's mum that / who can speak three languages.
2. It's me that is in charge of organising the storytelling contest. / It is I who am in charge of organising the storytelling contest.
3. It's your help that we need, not your sympathy.
4. It was Phong's sense of humour that Hoa couldn't understand.
5. It's their neighbours who they have a very good relationship with.
6. It's on a luxury cruise ship that their wedding will be held.

Hướng dẫn dịch:

1. Đó là mẹ của Tom - người có thể nói ba thứ tiếng.
2. Tôi là người chịu trách nhiệm tổ chức cuộc thi kể chuyện.
3. Đó là sự giúp đỡ của bạn mà chúng tôi cần, không phải sự thông cảm của bạn.
4. Đó chính là khiếu hài hước của Phong mà Hoa đã không thể hiểu được.
5. Đó là những người hàng xóm của họ, những người có mối quan hệ rất tốt với họ.

6. Đó là trên một chiếc tàu du lịch sang trọng mà đám cưới của họ sẽ được tổ chức.

5. (trang 15 SBT Tiếng Anh 11 mới) Pick out the wrong sentences and correct the mistakes. (Chọn ra các câu sai và sửa các lỗi.)

Đáp án:

1. feels => looks

2. That was => It was

3. gives => gave

4. warm => warmly

5. (correct)

6. well => good

Unit 2: Reading (trang 15)

1. (trang 15 SBT Tiếng Anh 11 mới) Read the first part of a text about dating and fill each gap with a word or a phrase from the box. (Đọc phần đầu tiên của một văn bản về cuộc hẹn hò và điền vào mỗi chỗ trống với một từ hoặc một cụm từ trong khung.)

Đáp án:

1. stable 2. partner

3. settle down 4. married

5. serious 6. trust

7. identity 8. hopeless

Hướng dẫn dịch:

Đám cưới của Max và Carol sẽ được tổ chức vào tuần tới, không bao giờ nghĩ rằng anh ấy có thể tìm thấy người phụ nữ trong mơ của mình. Anh đã trở thành một doanh nhân thành công ở độ tuổi 37. Anh đã làm việc chăm chỉ suốt cuộc đời của mình để học Đại học và sau đó thành lập một công ty để cung cấp một thu nhập ổn định. Vấn đề là các cuộc họp và công việc khó khăn khiến anh gặp khó khăn để gặp một đối tác thích hợp. Năm ngoái, khi anh ấy muốn ổn định, anh đã nhìn xung quanh và thấy rằng tất cả bạn bè cũ và đồng nghiệp nữ đều đã kết hôn.

Một số bạn bè đã đề xuất việc đi đến quán bar hay câu lạc bộ khiêu vũ. Tuy nhiên, anh nghĩ rằng những cô gái đến những nơi này không trưởng thành hoặc đủ nghiêm túc. Một gợi ý khác là tìm một đối tác trực tuyến. Trong thực tế, Max có rất nhiều bạn bè trực tuyến, nhưng anh không tin

họ, vì họ thường giấu danh tính thực sự của họ. Anh ấy đã bắt đầu cảm thấy cô đơn và vô vọng khi nhìn thấy một quảng cáo về Hẹn hò cấp tốc và Trung tâm mai mối.

2. (trang 16 SBT Tiếng Anh 11 mới) Read the second part of the text and answer the questions. (Đọc phần thứ hai của văn bản và trả lời các câu hỏi.)

Đáp án:

1. He wanted to find a partner.
2. He was asked to complete a survey form about his age, education, religion, likes and dislikes.
3. He talked to ten women at the get-together, spending six minutes with each one.
4. He chose Lucy.
5. They had many things in common, but they didn't feel attracted to each other.
6. Carol was Lucy's friend. Max met her at Lucy's birthday party.

Hướng dẫn dịch:

Khi Max đến Văn phòng Trung tâm Mai mối và Hẹn hò cấp tốc, anh ấy đã nghĩ họ có thể giúp đỡ. Sau khi hoàn thành một mẫu khảo sát về tuổi tác, giáo dục, tôn giáo, sở thích và những thứ không thích, anh đã được mời đến gặp mặt với chín người đàn ông và mười người phụ nữ khác. Ở đó, anh đã dành khoảng sáu phút với mỗi người phụ nữ, nói về những thứ như công việc, sở thích, gia đình và một đứa trẻ. Kết thúc buổi tối, anh ấy đã đưa ra một báo cáo nói rõ người phụ nữ mà anh muốn gặp lại. May mắn thay, Lucy, người phụ nữ mà anh ấy cho là cũng thích anh ấy. Họ đã có một cuộc họp sau đó, Max và Lucy đã có nhiều điểm chung, nhưng anh ấy đã thực sự không thu hút được cô ấy. Lucy cảm thấy tương tự, và họ đã đồng ý giữ nguyên tình bạn. Một tháng sau, Lucy đã mời Max đến bữa tiệc sinh nhật của cô và giới thiệu anh ấy cho bạn bè của cô. Định mệnh đã đối tốt với Max lần này khi anh đã gặp Carol ở đó, và họ đã yêu nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên.

3. (trang 16 SBT Tiếng Anh 11 mới) Find the words or phrases from the two parts of the reading text which mean the following. (Tìm các từ hoặc cụm từ trong 2 phần của văn bản mà có nghĩa như sau đây.)

Đáp án:

1. income
2. get-together
3. mature
4. at first sight
5. fate

Hướng dẫn dịch:

1. Số tiền một người kiếm được từ việc làm hoặc kinh doanh
2. Một cuộc gặp không trang trọng

3. Đã lớn và phát triển đầy đủ; hợp lý;
4. Khi bạn gặp ai đó lần đầu tiên
5. Sức mạnh được cho là kiểm soát cuộc sống của con người

Unit 2: Speaking (trang 16)

1. (trang 16 SBT Tiếng Anh 11 mới) Laura is talking about her brother's first date. Choose the sentences (a-e) to complete the conversation. Then practise it with a partner. (Laura đang nói về ngày hẹn hò đầu tiên của anh trai cô ấy. Chọn các câu (a-e) để hoàn thành cuộc trò chuyện. Sau đó thực hành cuộc trò chuyện với một người bạn.)

Đáp án:

1.d 2.e 3.a 4.c 5.b

Hướng dẫn dịch:

Hà: Trông bạn có vẻ rất vui, Laura. Chuyện gì thế?

Laura: À, anh trai tớ sẽ có cuộc hẹn hò đầu tiên của anh ấy vào cuối tuần này.

Hà: Tớ thấy rồi ... Nhưng tại sao bạn lại hào hứng vậy?

Laura: Chính tớ đã giới thiệu anh ấy với cuộc hẹn này.

Hà: Wow! Bạn đã làm thế nào vậy?

Laura: Tớ giới thiệu anh ấy với Anna, em gái của người bạn thân nhất của tớ. Nhưng bây giờ tớ có một vấn đề.

Hà: Vấn đề? Bạn lo lắng họ có thể không thích nhau ư?

Laura: Không. Tớ nghĩ họ có nhiều điểm chung. Nhưng anh tôi muốn mua một món quà nhỏ cho Anna, và tớ không biết những gì cô ấy thích.

Hà: Tại sao bạn không hỏi người bạn thân nhất của bạn?

Laura: Bạn nói đúng. Tớ lẽ ra phải suy nghĩ ra điều đó rồi chứ nhỉ. Cảm ơn bạn nhé.

2. (trang 17 SBT Tiếng Anh 11 mới) Work in pairs. Use the information below to make another conversation. (Làm việc theo cặp. Sử dụng thông tin bên dưới để tạo một cuộc hội thoại khác.)

Đáp án:

A and B greet each other

A: ask why B looks upset

B: tell A he / she broke up with C, a close friend, because B misunderstood that C lied to him / her

A: show sympathy and ask if B needs help

B: ask A for advice about how to reconcile with C

A: give B some advice

B: thank A

Unit 2: Writing (trang 17)

1. (trang 17 SBT Tiếng Anh 11 mới) Write an online posting, using the words or phrases below to make complete sentences. Add more words, if necessary. (Viết một bài đăng trực tuyến, sử dụng các từ hoặc cụm từ bên dưới để tạo nên các câu hoàn chỉnh. Thêm các từ, nếu cần thiết.)

Đáp án:

My family moved to a new town last week and today was my first day in my new school. Everything was new: new classrooms, new teachers and new classmates. At first, I felt very lonely because I knew nobody here. I just stood on my own and my new classmates were looking at me curiously. I didn't know what to say to break the ice. I felt miserable.

But then everything changed when the teacher introduced me to the whole class and asked the class monitor to help me to get to know my classmates and the school rules. Carol is a wonderful class monitor. She took the initiative to show me around the school. She also helped me to make friends with other students. She made sure I was never alone on my first day in my new school.

Although I still miss my old friends, I like my new school and classmates. I hope I can make lots of good friends here.

Hướng dẫn dịch:

Gia đình tôi đã chuyển đến một thị xã mới vào tuần trước và hôm nay là ngày đầu tiên của tôi ở trường học mới của tôi. Mọi thứ đều mới: các lớp học mới, giáo viên mới và bạn học mới. Lúc đầu, tôi đã cảm thấy rất cô đơn vì tôi không biết ai ở đây cả. Tôi chỉ đứng một mình và các bạn học mới của tôi đã nhìn tôi với con mắt tò mò. Tôi đã không biết phải nói gì để làm quen với các bạn. Tôi đã cảm thấy thật khổ sở.

Nhưng sau đó tất cả mọi thứ đã thay đổi khi cô giáo giới thiệu tôi với cả lớp và yêu cầu bạn lớp trưởng giúp tôi làm quen với các bạn cùng lớp và các quy tắc của trường. Carol là lớp trưởng tuyệt vời. Cô ấy đã chủ động dẫn tôi đi xung quanh trường. Cô ấy cũng giúp tôi kết bạn với các

học sinh khác. Cô ấy đã muốn chắc chắn rằng tôi sẽ không bao giờ cảm thấy cô đơn vào ngày đầu tiên ở trường mới của tôi.

Mặc dù tôi vẫn nhớ những người bạn cũ của tôi, tôi thích trường học và bạn học mới của tôi. Tôi hy vọng tôi có thể làm bạn với rất nhiều bạn tốt ở đây.

2. (trang 17 SBT Tiếng Anh 11 mới) Write another online posting, using the information in the conversation in the Speaking section (Activity 2) and your own ideas. (Viết một bài đăng trực tuyến khác, sử dụng thông tin trong cuộc trò chuyện trong phần Nói (Hoạt động 2) và những ý tưởng của riêng bạn.

Đáp án:

Re: I want to apologise.

Posted by Lana » 2 March 2018 at 6 p.m.

Current mood: regretful

I don't know what to do now. Last week I had an argument with my best friend because I thought she had lied to me. She tried to explain, but I was so angry that I refused to listen to her explanation.

Yesterday, I happened to find out that I was wrong. I immediately called her to apologise, but this time it was her that refused to listen to me. I don't want our friendship to come to an end this way. We've been good friends for years. I really hope that she will forgive me for what I have done and said to her.

Hướng dẫn dịch:

Trả lời thư: Tôi muốn xin lỗi.

Đăng bởi Lana » Ngày 2 tháng 3 năm 2018 lúc 6 giờ chiều

Tâm trạng hiện tại: hối hận

Tôi không biết phải làm gì bây giờ. Tuần trước tôi đã có một cuộc cãi vã với người bạn thân nhất của tôi bởi vì tôi nghĩ rằng cô ấy đã nói dối tôi. Cô ấy đã cố gắng giải thích, nhưng tôi đã rất giận dữ vì tôi từ chối lắng nghe lời giải thích của cô ấy.

Hôm qua, tôi tình cờ phát hiện ra mình đã sai. Tôi ngay lập tức gọi cô ấy để xin lỗi, nhưng lần này là cô ấy đã từ chối lắng nghe tôi. Tôi không muốn tình bạn của chúng tôi kết thúc theo cách này. Chúng tôi đã là bạn tốt trong nhiều năm. Tôi thực sự hy vọng rằng cô ấy sẽ tha thứ cho tôi vì những gì tôi đã làm và nói với cô ấy.

►► **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải về giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 2: Relationships đầy đủ nhất (Có đáp án) file Word, pdf hoàn toàn miễn phí!

